

3. Hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra các Bộ, ngành, các địa phương trong việc thực hiện di dân, tái định cư đảm bảo ổn định sản xuất và đời sống cho nhân dân.

Điều 3. Bộ Tài chính cấp kinh phí cho Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để chi trực tiếp cho các hoạt động của Ban Chỉ đạo (bao gồm chi phí đi kiểm tra, đôn đốc ở cơ sở, hội thảo, in ấn tài liệu vv...).

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 5. Bộ trưởng các Bộ: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Công nghiệp, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Khoa học, Công nghệ và Môi trường, Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc và Miền núi, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh: Lai Châu, Sơn La và các ông có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Thủ tướng Chính phủ

PHAN VĂN KHAI

QUYẾT ĐỊNH của Thủ tướng Chính phủ số 109/2001/QĐ-TTg ngày 24/7/2001 về việc quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô trong lực lượng công an nhân dân.

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 30 tháng 9 năm 1992;

Căn cứ Nghị định số 14/1998/NĐ-CP ngày 06 tháng 3 năm 1998 về quản lý tài sản nhà nước;

Căn cứ Quyết định số 122/1999/QĐ-TTg ngày 10 tháng 5 năm 1999 của Thủ tướng Chính phủ về quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô trong các cơ quan hành chính sự nghiệp và doanh nghiệp nhà nước;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Công an,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Các đơn vị thuộc lực lượng công an nhân dân được trang bị xe ô tô là những đơn vị được quy định tại Nghị định của Chính phủ về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, tổ chức bộ máy Bộ Công an và các Nghị định khác của Chính phủ liên quan đến tổ chức công an (gọi tắt là lực lượng công an nhân dân).

Điều 2. Xe ô tô trang bị cho lực lượng công an nhân dân để làm nhiệm vụ phục vụ chiến đấu và công tác, bao gồm:

1. Xe ô tô từ 15 chỗ ngồi trở xuống:

- Xe ô tô dùng để phục vụ cán bộ lãnh đạo (xe phục vụ);

- Xe ô tô dùng để đảm bảo nhiệm vụ chỉ huy (xe chỉ huy);

- Xe ô tô dùng để phục vụ cán bộ, chiến sĩ đi công tác (xe công tác).

2. Xe ô tô phục vụ công tác nghiệp vụ, xe chuyên dùng, xe vận tải.

Các loại xe ô tô trên được mua từ nguồn vốn ngân sách nhà nước, có nguồn gốc từ ngân sách nhà nước (kể cả viện trợ, quà biếu của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước, hoặc được xác lập quyền sở hữu nhà nước theo quy định của pháp luật, các chương trình dự án kết thúc, chuyển giao) và mua sắm từ vốn của doanh nghiệp nhà nước.

09499233

Điều 3.

1. Xe ô tô trong lực lượng công an nhân dân được quản lý, sử dụng theo chế độ quản lý tài sản nhà nước và theo tiêu chuẩn, định mức quy định tại Quyết định này.

2. Các đơn vị được trang bị xe ô tô không được bán, tặng, chuyển quyền sở hữu sử dụng cho tổ chức hoặc cá nhân khác nếu không được phép của Bộ trưởng Bộ Công an.

Điều 4.

1. Cán bộ có chức danh sau đây được sử dụng 1 xe ô tô con trong thời gian công tác:

- Bộ trưởng.
- Thủ trưởng.
- Tổng cục trưởng.
- Cán bộ có hàm cấp tướng không thuộc các chức danh quản lý nêu trên.

2. Các nhà khoa học có tiêu chuẩn được sử dụng xe ô tô theo Quyết định số 33/2001/QĐ-TTg ngày 13 tháng 3 năm 2001 của Thủ tướng Chính phủ.

Các xe ô tô trên được thay thế khi đã sử dụng có tỷ lệ hao mòn từ 70% trở lên hoặc khi đã sử dụng từ 10 vạn km trở lên không đảm bảo an toàn khi vận hành.

Điều 5. Cán bộ chỉ huy có chức danh Phó Tổng cục trưởng, Cục trưởng, Phó Cục trưởng, Vụ trưởng, Phó Vụ trưởng, Viện trưởng, Phó Viện trưởng, Giám đốc, Phó Giám đốc Công an các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng các trường Đại học, Hiệu trưởng trường Trung học Công an nhân dân và các chức danh tương đương được bố trí xe ô tô khi đi công tác, không được bố trí xe đưa đón từ nơi ở tới nơi làm việc hàng ngày.

Điều 6. Các đơn vị công tác thuộc lực lượng

công an nhân dân được trang bị xe ô tô để phục vụ lãnh đạo chỉ huy, chiến đấu và công tác theo phụ biểu kèm theo Quyết định này.

Điều 7. Căn cứ chức năng, nhiệm vụ và yêu cầu nghiệp vụ của từng lực lượng, từng đơn vị công tác, Bộ trưởng Bộ Công an quy định cụ thể việc trang bị xe ô tô nghiệp vụ, xe chuyên dùng, xe vận tải trong lực lượng công an nhân dân.

Điều 8. Việc mua mới xe ô tô thực hiện theo giá mua quy định tại Quyết định số 122/1999/QĐ-TTg ngày 10 tháng 5 năm 1999 của Thủ tướng Chính phủ và quy định của Bộ Tài chính.

Khi có nhu cầu mua xe ô tô nhập ngoại, Bộ trưởng Bộ Công an trình Thủ tướng Chính phủ quyết định.

Điều 9. Các doanh nghiệp nhà nước thuộc lực lượng công an nhân dân được trang bị xe ô tô theo đúng tiêu chuẩn, định mức quy định tại Điều 15 Quyết định số 122/1999/QĐ-TTg ngày 10 tháng 5 năm 1999 của Thủ tướng Chính phủ.

Điều 10. Hàng năm, căn cứ vào số xe ô tô hiện có và tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô theo quy định này, Bộ trưởng Bộ Công an xác định nhu cầu, lập dự toán để mua mới bổ sung, thay thế số xe đã hư hỏng theo quy định.

Điều 11. Căn cứ vào các quy định hiện hành và quy định tại Quyết định này, Bộ trưởng Bộ Công an có trách nhiệm:

1. Xác định mức trang bị xe ô tô cho phù hợp với yêu cầu nhiệm vụ công tác của công an từng đơn vị, địa phương.

2. Điều chỉnh và bố trí lại số xe ô tô hiện các đơn vị đang sử dụng phù hợp với quy định tại Quyết định này.

3. Ban hành Quy định về chế độ quản lý, sử dụng xe ô tô trong toàn lực lượng công an theo đúng tiêu chuẩn, định mức trang bị của Quyết định này.

Điều 12. Người ra quyết định mua sắm, sử dụng xe ô tô không đúng thẩm quyền, không đúng tiêu chuẩn, định mức, chủng loại, giới hạn về giá trị thì tùy theo mức độ vi phạm sẽ bị xử lý theo quy định của pháp luật.

Điều 13. Quyết định này có hiệu lực sau 15 ngày, kể từ ngày ký. Những quy định trước đây trái với Quyết định này đều bãi bỏ.

Điều 14. Bộ trưởng các Bộ: Tài chính, Công an, Kế hoạch và Đầu tư, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và các cơ quan liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

KT. Thủ tướng Chính phủ
Phó Thủ tướng

NGUYỄN TẤN DŨNG

**ĐỊNH MỨC TRANG BỊ ÔTÔ SỬ DỤNG CHUNG CHO CÁC ĐƠN VỊ
TRONG LỰC LƯỢNG CÔNG AN NHÂN DÂN**

(ban hành kèm theo Quyết định số 109/2001/QĐ-TTg
ngày 24/7/2001 của Thủ tướng Chính phủ).

Số thứ tự	Chức danh và đơn vị	Số lượng
1	Xe sử dụng chung phục vụ công tác chỉ huy của lãnh đạo các Tổng cục (không đưa đón hàng ngày từ nơi ở tới nơi làm việc)	Tối đa 6 xe/Tổng cục
2	Xe sử dụng chung phục vụ công tác chỉ huy của lãnh đạo Bộ Tư lệnh, Cục, Vụ, Viện (không đưa đón hàng ngày từ nơi ở tới nơi làm việc)	Tối đa 5 xe/đơn vị
3	Tổng cục I, II, IV (xe sử dụng chung)	Tối đa 35 xe/đơn vị
4	Tổng cục III, VI (xe sử dụng chung)	Tối đa 5 xe/đơn vị
5	Văn phòng Bộ Công an, Bộ Tư lệnh Cảnh vệ, Tổng cục V (xe sử dụng chung)	Tối đa 10 xe/đơn vị
6	Cục, Vụ, Viện trực thuộc Bộ trưởng, Trường Đại học, Học viện (xe sử dụng chung)	Tối đa 3 xe/đơn vị
7	Trường Trung học, các phân hiệu Đại học, Bệnh viện loại I, Trại tạm giam, cơ sở giáo dục, trường giáo dưỡng (xe sử dụng chung)	Tối đa 2 xe/đơn vị
8	Bệnh viện loại II (xe sử dụng chung)	1 xe/đơn vị
9	Công an Hà Nội, thành phố Hồ Chí Minh (xe sử dụng chung)	Tối đa 40 xe/đơn vị
10	Công an thành phố Hải Phòng, Đà Nẵng (xe sử dụng chung)	Tối đa 15 xe/đơn vị
11	Công an các quận, huyện thuộc các thành phố trực thuộc Trung ương (xe sử dụng chung)	Tối đa 5 xe/đơn vị
12	Các phòng nghiệp vụ thuộc công an các thành phố trực thuộc Trung ương (xe sử dụng chung)	Tối đa 2 xe/đơn vị
13	Công an các tỉnh (xe sử dụng chung)	Tối đa 20 xe/đơn vị
14	Công an thị xã, thành phố thuộc tỉnh (xe sử dụng chung)	Tối đa 5 xe/đơn vị
15	Công an các huyện thuộc tỉnh (xe sử dụng chung)	Tối đa 3 xe/đơn vị
16	Các phòng nghiệp vụ thuộc công an tỉnh (xe sử dụng chung)	1 xe/đơn vị